BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40/2025/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ

Quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương năm 2017;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là C/O) và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu (sau đây gọi là Văn bản chấp thuận) theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

3. Thương nhân, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa.

Chương II
TỔ CHỨC, THỰC HIỆN CẤP C/O VÀ CẤP VĂN BẢN CHẤP THUẬN

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức thực hiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận

1. Bảo đảm sự thống nhất, toàn diện trong công tác quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu.

2. Bảo đảm phù hợp với chủ trương theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Phù hợp với quy định về cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được cấp C/O và cấp Văn bản chấp thuận tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế từ cấp Cục thuộc Bộ, Bộ, cơ quan ngang Bộ trở lên có nội dung về xuất xứ hàng hóa.

Điều 4. Nội dung, phạm vi cấp C/O và Văn bản chấp thuận

1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cấp và tổ chức triển khai việc cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ theo thẩm quyền cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc đáp ứng điều kiện được thực hiện trên cơ sở tự đánh giá theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) gửi kết quả tự đánh giá điều kiện cho Bộ trưởng Bộ Công Thương; tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ gửi kết quả tự đánh giá điều kiện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 5. Điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận

1. Bảo đảm đội ngũ nhân lực để thực hiện việc cấp và tổ chức triển khai việc cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận.

2. Được đào tạo, tập huấn kiến thức về xuất xứ hàng hóa đối với người có thẩm quyền ký C/O và Văn bản chấp thuận.

3. Có tài khoản thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

4. Bảo đảm hạ tầng số để triển khai Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương (sau đây gọi là Hệ thống eCoSys) tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn liên tục, ổn định và thực hiện thông suốt quy trình thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa điện tử, cấp C/O dưới dạng điện tử, truyền dữ liệu C/O điện tử và cấp Văn bản chấp thuận.

5. Có khu vực lưu trữ riêng, các trang thiết bị cần thiết lưu trữ hồ sơ, chứng từ cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

Chương III
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải bảo đảm việc tổ chức được giao nhiệm vụ theo thẩm quyền triển khai cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận.

2. Thông tin đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) văn bản triển khai việc cấp C/O và Văn bản chấp thuận (nếu có); mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận; mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký C/O và Văn bản chấp thuận theo hướng dẫn của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và cập nhật ngay khi có thay đổi.

3. Công bố công khai nội dung quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa và hướng dẫn thương nhân đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận thực hiện đúng theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

4. Kiểm tra, giám sát tổ chức được giao nhiệm vụ cấp C/O và Văn bản chấp thuận; xử lý vi phạm đối với việc triển khai cấp C/O và Văn bản chấp thuận, thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ cấp C/O và Văn bản chấp thuận

1. Duy trì điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Thực hiện quy trình, thủ tục cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, cải cách hành chính và tạo thuận lợi; tiếp nhận và giải quyết kiến nghị, vướng mắc của thương nhân đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

3. Theo dõi, hướng dẫn thương nhân đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận thực hiện đúng theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

4. Kiểm tra, xác minh đối với C/O và Văn bản chấp thuận đã được cấp theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa (kể cả trường hợp không còn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cấp C/O và Văn bản chấp thuận).

5. Báo cáo định kỳ theo quý, năm hoặc báo cáo đột xuất gửi Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình cấp C/O, Văn bản chấp thuận và thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị thuộc Bộ Công Thương

1. Cục Xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm:

a) Tổng hợp tình hình thực hiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

b) Xây dựng nội dung chương trình đào tạo, tập huấn về xuất xứ hàng hóa.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, đơn vị liên quan kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

d) Duy trì điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số chịu trách nhiệm:

a) Quản lý hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống eCoSys, kết nối và truyền dữ liệu C/O điện tử từ Hệ thống eCoSys sang Cổng Thông tin một cửa quốc gia của Việt Nam.

b) Tạo tài khoản và cấp mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận trên Hệ thống eCoSys.

c) Đăng tải và cập nhật danh mục cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận lên Hệ thống eCoSys.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Các Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK (3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân



PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CÁC MẪU C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN DO CỤC XUẤT NHẬP KHẨU (BỘ CÔNG THƯƠNG) CẤP
(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D và Văn bản chấp thuận	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu E	Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
3	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
4	C/O mẫu AK	Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc
5	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
6	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân
7	C/O mẫu AHK	Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Công, Trung Quốc

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
8	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
9	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu
10	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
11	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
12	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu
13	C/O mẫu VN-CU	Thông tư số 08/2020/TT-BCT ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba
14	C/O mẫu VC	Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê
15	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc
16	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
		nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế
17	C/O mẫu VI	Thông tư số 11/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en
18	C/O mẫu X	Thông tư số 17/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên ký kết kia
19	C/O mẫu S	Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thoả thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào
20	C/O mẫu B, A, ICO, Thổ Nhĩ Kỳ, GSTP, BR9, DA59, Peru, Venezuela, CNM và mã số REX	Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2028 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sỹ và Thổ Nhĩ Kỳ

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC MẪU C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN DO TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH GIAO NHIỆM VỤ CẤP

(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D và Văn bản chấp thuận	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu E	Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
3	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
4	C/O mẫu AK	Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc
5	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
6	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân
7	C/O mẫu AHK	Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Công, Trung Quốc

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
8	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
9	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu
10	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
11	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
12	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu
13	C/O mẫu VN-CU	Thông tư số 08/2020/TT-BCT ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba
14	C/O mẫu VC	Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê
15	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc
16	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
		nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế
17	C/O mẫu VI	Thông tư số 11/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en
18	C/O mẫu X	Thông tư số 17/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên ký kết kia
19	C/O mẫu S	Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thoả thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào
20	C/O mẫu B, A, ICO, Thổ Nhĩ Kỳ, GSTP, BR9, DA59, Peru, Venezuela, CNM và mã số REX	Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2028 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sỹ và Thổ Nhĩ Kỳ

PHỤ LỤC III
BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN
CẤP C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN
(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	*(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ quan, tổ chức: .....

2. Văn bản triển khai việc cấp C/O và Văn bản chấp thuận: .....

.....

3. Địa chỉ *(ghi địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức)*: .....

.....

4. Điện thoại: .....

5. Fax: .....

6. Email: .....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ NHÂN LỰC

1. Cơ sở vật chất:

Diện tích mặt bằng trụ sở: ..... m^2, trong đó diện tích khu vực cấp C/O và Văn bản chấp thuận: ..... m^2, diện tích khu vực lưu trữ hồ sơ cấp C/O: ..... m^2.

2. Hệ thống máy tính, trang thiết bị cấp C/O và Văn bản chấp thuận hiện có:

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
1	Máy tính					
2	Máy in					

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
3	Máy scan					
4	Máy photo					
5	Thiết bị lưu trữ (kho, giá đỡ …)					
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại (nếu có)					
7	Trang, thiết bị khác (nếu có)					
...						

3. Hệ thống đường truyền Internet cấp C/O và Văn bản chấp thuận hiện có:

STT	Hạ tầng số	Có/ Không	Nhà mạng	Thực trạng hoạt động của hệ thống			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	Kém	
1	Đường truyền Internet độc lập						
2	Tài khoản trên Hệ thống eCoSys						
3	Chữ ký số						

4. Nhân lực chứng nhận xuất xứ hàng hóa (trực tiếp xử lý hồ sơ, ký duyệt và cấp phép C/O và Văn bản chấp thuận):

a) Số người có thẩm quyền ký C/O và Văn bản chấp thuận đã tham gia đào tạo, tập huấn kiến thức về xuất xứ hàng hóa: ..... người.

b) Số người xử lý hồ sơ đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận: ..... người.

c) Tổng đội ngũ nhân lực chứng nhận xuất xứ hàng hóa: ..... người.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ

(Tên cơ quan) đã đáp ứng điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CẤP C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN
(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TỔ CHỨC CẤP C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN ĐƯỢC UBND TỈNH GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …	*(Địa danh), ngày ….. tháng ….. năm …..*

BÁO CÁO
Về tình hình cấp C/O, Văn bản chấp thuận theo quý/năm …

Kính gửi: ……

I. Tình hình triển khai cấp C/O và Văn bản chấp thuận (nếu có)

STT	Nội dung	Có hay không phân cấp, ủy quyền		Văn bản triển khai cấp C/O và Văn bản chấp thuận (Số, ngày tháng năm)
		Có	Không	
1	Cấp C/O			
2	Cấp CNM			
3	Văn bản chấp thuận			

II. Tình hình thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ xuất xứ hàng hóa

1. Việc cấp C/O và Văn bản chấp thuận

a) Số lượng C/O và Văn bản chấp thuận đã cấp/gia hạn:

STT	Mẫu C/O, Văn bản chấp thuận	Từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …	
		Số lượng (bộ)	Trị giá (USD)
1	C/O mẫu …		
2	CNM		
3	Văn bản chấp thuận		
	Tổng cộng		

b) Số lượng C/O bị hủy và Văn bản chấp thuận bị thu hồi:

STT	Mẫu C/O, Văn bản chấp thuận	Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...		Lý do
		Số lượng (bộ)	Trị giá (USD)	
1	C/O mẫu ...			
2	CNM			
3	Văn bản chấp thuận			
	Tổng cộng			

2. Hoạt động kiểm tra, xác minh và phối hợp kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa đối với tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận

a) Kiểm tra, xác minh hồ sơ C/O, Văn bản chấp thuận đã cấp: *(số lượng các cuộc thanh tra/kiểm tra, xác minh; hình thức chủ động kiểm tra/phối hợp kiểm tra; lập danh sách các doanh nghiệp được thanh tra/kiểm tra; nội dung thanh tra/kiểm tra; những vi phạm (nếu có); biện pháp xử lý; số tiền xử phạt thu được/việc chấp hành quyết định xử phạt ...):*

.....

b) Kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất: *(số lượng các cuộc thanh tra/kiểm tra, xác minh; hình thức chủ động kiểm tra/phối hợp kiểm tra; lập danh sách các doanh nghiệp được thanh tra/kiểm tra; nội dung thanh tra/kiểm tra; những vi phạm (nếu có); biện pháp xử lý; số tiền xử phạt thu được/việc chấp hành quyết định xử phạt ...):*

.....

3. Hoạt động hướng dẫn, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp

.....

4. Vướng mắc thực thi cấp C/O và Văn bản chấp thuận (nếu có)

.....

III. Công tác tổ chức, hành chính, nhân sự

.....

IV. Công tác khiếu nại, tố cáo

1. Phản ánh của doanh nghiệp (nếu có):

.....

2. Xử lý thông tin phản ánh của doanh nghiệp (nếu có):

.....

V. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)